TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 2 – QUẢNG TRỊ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 03/02/2026
V/v "Ly hôn, nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 – QUẢNG TRỊ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đinh Đức Cảnh

Hội thẩm nhân dân:

Ông Lê Minh Toàn

Ông Trương Ngọc Nhân

- Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Bá Thi - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2 – Quảng Trị.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Quảng Trị tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Thanh Nga- Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 02 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 – Quảng Trị xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 138/2025/TLST-HNGĐ ngà y 24 thỏng 11 nă m 2025 về việc *"ly hôn, nuôi con, tài sản chung, nợ chung"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 01 năm 2026, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Đinh Thị C, sinh năm 1989; địa chỉ: thôn Ô, xã T, tỉnh Quảng Trị; có mặt.

2. Bị đơn: Anh Đinh Ngọc C1, sinh năm 1989; địa chỉ: thôn Ô, xã T, tỉnh Quảng Trị; vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ngân hàng C2; địa chỉ trụ sở chính: số A phố L phố H.

Đại diện tham gia tố tụng: Ông Nguyễn Tất T – Phó giám đốc ngân hàng C2; vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Ngân hàng N; địa chỉ trụ sở: số B L, phường G, thành phố Hà Nội.

Người đại diện tham gia tố tụng: Ông Trần Xuân H; chức vụ: Phó Giám đốc Phòng N – Chi nhánh M; địa chỉ: xã M, tỉnh Quảng Trị; vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Đinh Thị C trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị C và anh Đinh Ngọc C1 tự tìm hiểu và tiến đến hôn nhân vào năm 2008, hôn nhân là tự nguyện, không ai ép buộc, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật vào năm 2008 tại UBND xã H (nay là xã T, tỉnh Quảng Trị).

Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, cụ thể là khoảng từ năm 2022 vợ chồng chị phát sinh mâu thuẫn, do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, anh C1 đi uống rượu về thì đánh đập, chửi chị. Vào năm 2024, anh C1 có đánh chị khiến chị phải đi khâu 06 mũi ở vùng mắt. Chị đã phải sống ly thân từ đầu năm 2025 cho đến nay. Nhận thấy, tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị C xin ly hôn với anh C1.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Đinh Trần T1, sinh ngày 15/9/2018. Hiện nay, con chung đang sống với anh C1. Do con chung hiện nay đã trên 07 tuổi, nên khi ly hôn, chị để cho con tự trình bày nguyện vọng việc sống với cha hoặc với mẹ. Về cấp dưỡng nuôi con: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Quá trình chung sống vợ chồng có tạo lập được các tài sản gồm nhà gỗ 03 gian, 01 chiếc xe máy, các đồ dùng trong nhà như: bàn ghế, giường gỗ, tủ lạnh; 01 quyền sử dụng đất thửa số 312, tờ bản đồ số 8, đất tọa lạc tại thôn Ô, xã T, tỉnh Quảng Trị, diện tích 613 m^2, trong đó, đất ở nông thôn là 100 m^2, đất trồng cây lâu năm khác 513 m^2, 01 vườn trồng keo với số lượng cây khoảng 16.000 cây; 01 vườn trồng keo khoảng 14.000 cây. Tại đơn khởi kiện chị C đề nghị Tòa án giải quyết chia tài sản chung. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án, chị C xin rút lại yêu cầu chia tài sản chung.

- Về nợ chung: Chị C và anh C1 có 02 khoản tay tại Ngân hàng C2 với tổng số tiền 120.000.000 đồng; có 01 khoản vay tại Ngân hàng N với tổng số tiền là 200.000.000 đồng. Trong đơn khởi kiện, chị C đề nghị Tòa án giải quyết nợ chung. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án, chị C xin rút lại yêu cầu giải quyết nợ chung để tự thỏa thuận.

Bị đơn anh Đinh Ngọc C1 trình bày tại biên bản lấy lời khai ngày 23/01/2026:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh C1 và chị Đinh Thị C là vợ chồng hợp pháp, hiện nay, vợ chồng đã sống ly thân khoảng hơn 1 năm nay, không ai quan tâm đến cuộc sống của nhau. Các lần trước, Tòa án triệu tập anh lên để hòa giải nhưng do đi làm ăn nên không thể đến Tòa án được. Nay anh C1 lên Tòa án xin trình bày ý kiến đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị C. Đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng anh chị được ly hôn.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Đinh Trần T1, sinh ngày 15/9/2018, hiện nay, con chung đang sống với anh C1 nên khi ly hôn, anh C1 đề nghị tiếp tục được nuôi con. Không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản: Anh C1 không tranh chấp gì, anh và chị C tự thỏa thuận về tài sản không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Vợ chồng có vay nợ của Ngân hàng C2 và Ngân hàng N. Tuy nhiên, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết, hiện nay, anh C1 đang trả lãi đầy đủ cho Ngân hàng. Anh C1 và chị C tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Còn trách nhiệm với ngân hàng thì anh C1 đề thực hiện đúng và đầy đủ.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là Ngân hàng C2 do ông Nguyễn Tất T đại diện trình bày: Tổng nợ vay của anh C1 và chị C tại Ngân hàng C2 (thông qua Phòng G) là 120.000.000 đồng: tại khế ước ngày số 6600000728825661, ngày 26/6/2024 là 100.000.000 đồng, thời hạn vay đến ngày 26/6/2029; tại khế ước vay số 6600000728827534, ngày 26/6/2024, số tiền vay là 20.000.000 đồng, thời hạn vay đến ngày 26/6/2029. Khi chị C và anh C1 ly hôn thì đề nghị chia đôi nợ chung nếu trường hợp Tòa án chia đôi tài sản chung. Trường hợp Tòa án giao nhà đất cho bên nào sử dụng thì đề nghị giao nợ chung cho bên nhận tài sản có trách nhiệm trả nợ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ngân hàng N vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến.

Tại phiên tòa,

- Nguyên đơn chị Đinh Thị C xin giữ nguyên yêu cầu ly hôn với anh Đinh Ngọc C1; về con chung: đồng ý giao con chung Đinh Trần T1, sinh ngày 15/9/2018 cho anh C1 nuôi dưỡng, không yêu cầu Tòa án giải quyết cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung: xin rút toàn bộ yêu cầu giải quyết tài sản chung để tự thỏa thuận; về nợ chung: xin rút toàn bộ yêu cầu giải quyết nợ chung để vợ chồng tự thỏa thuận.

- Bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Ông Nguyễn Tất T – đại diện tham gia tố tụng cho Ngân hàng C2 trình bày có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Ngân hàng N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn sơ thẩm: Người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã làm đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử, căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình, các Điều 147, 227, 228, 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đinh Thị C. Về quan

hệ hôn nhân: chị C được ly hôn với anh C1. Về con chung: giao con chung là cháu Đinh Trần T1, sinh ngày 15/9/2018 cho anh C1 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, ghi nhận sự tự nguyện của anh C1 không yêu cầu chị C cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu nên không xem xét giải quyết. Đình chỉ yêu cầu về chia tài sản chung và nợ chung của chị C. Về án phí: chị C phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Chị Đinh Thị C khởi kiện yêu cầu ly hôn và giải quyết vấn đề nuôi con, tài sản chung, nợ chung khi ly hôn với anh Đinh Ngọc C1 là tranh chấp về hôn nhân và gia đình. Đồng thời, anh C1 có nơi cư trú tại thôn Ô, xã T, tỉnh Quảng Trị nên Tòa án nhân dân khu vực 2 – Quảng Trị thụ lý, giải quyết là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Bị đơn anh Đinh Ngọc C1, Ngân hàng N, Ngân hàng C2 đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh C1, Ngân hàng N, Ngân hàng C2 theo quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị C cho rằng, vợ chồng bất đồng quan điểm sống, mâu thuẫn, dẫn đến sống ly thân, không ai níu kéo ai. Chị C và anh C1 đều thừa nhận anh chị tự nguyện kết hôn, là vợ chồng hợp pháp. Hiện nay đã sống ly thân với nhau. Chị C yêu cầu ly hôn, anh C1 đồng ý theo yêu cầu của chị C. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị C và anh C1 là hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Xét thấy, xuất phát từ mâu thuẫn trong thời gian chung sống, vợ chồng bất đồng quan điểm sống và hiện nay đã sống ly thân. Vợ chồng không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Từ khi ly thân đến nay, vợ chồng không ai quan tâm đến ai, không ai có mong muốn hàn gắn tình cảm. Bản thân anh C1 không phản đối, không níu kéo và trình bày đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị C. Nên có căn cứ xác định mâu thuẫn giữa chị C và anh C1 là trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị C đối với anh C1 theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2.2] Về quan hệ con chung: Chị C và anh C1 đều trình bày vợ chồng có 01 con chung tên Đinh Trần T1, sinh ngày 15/9/2018, hiện nay đang sống với anh C1.

Tại biên bản tự khai cháu T1 có nguyện vọng sống với anh C1. Tại phiên tòa hôm nay, chị C đồng ý giao con chung cho anh C1 nuôi dưỡng.

Xét thấy, con chung đang sống với anh C1, hiện đang học lớp 2 trường tiểu học T2. Chị C đồng ý giao con cho anh C1, anh C1 yêu cầu được chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, điều này hoàn toàn phù hợp với nguyện vọng của con chưa thành niên. Do đó, để đảm bảo ổn định cuộc sống cho con chung, giúp con chung phát triển tốt về thể chất, tinh thần, hạn chế sự xáo trộn cuộc sống của con nên Hội đồng xét xử chấp nhận giao con chung cho anh C1 nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh C1 không yêu cầu chị C đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của đương sự tạm thời không yêu cầu cấp dưỡng.

[2.3] Đối với quan hệ tài sản chung: Chị Đinh Thị C xin rút lại toàn bộ yêu cầu khởi kiện đối với việc yêu cầu chia tài sản chung. Anh C1 không tranh chấp về tài sản chung với chị C, không có yêu cầu phản tố.

Xét thấy, việc rút lại yêu cầu khởi kiện phù hợp với khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của chị C đối với yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng.

[2.4] Đối với quan hệ nợ chung: Chị Đinh Thị C xin rút lại toàn bộ yêu cầu khởi kiện đối với việc yêu cầu giải quyết nợ chung. Anh C1 không tranh chấp và không yêu cầu Tòa án giải quyết, bản thân anh C1 đang thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng.

Xét thấy, việc rút lại yêu cầu khởi kiện phù hợp với khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của chị C đối với yêu cầu giải quyết nợ chung.

Đối với quyền lợi của Ngân hàng C2: 02 khoản vay của chị C và anh C1 chưa hết thời hạn cho vay, vợ chồng anh C1, chị C vẫn đang trả nợ lãi đầy đủ cho Ngân hàng. Trường hợp sau này phát sinh tranh chấp, Ngân hàng khởi kiện thì sẽ giải quyết bằng một vụ án dân sự khác.

Đối với Ngân hàng N: Quá trình giải quyết vụ án không yêu cầu Tòa án giải quyết, cũng như không trình bày ý kiến về khoản nợ vay của chị C và anh C1 nên không có cơ sở để xem xét, giải quyết. Trường hợp sau này phát sinh tranh chấp thì sẽ giải quyết bằng một vụ án dân sự khác.

[3] Về án phí: Chị C phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

[4] Xét ý kiến về việc giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát: xét thấy ý kiến của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 235, 238, 244, 266, 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Các Điều 51, 56, 58 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của chị Đinh Thị C về việc yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng và yêu cầu giải quyết nợ chung của vợ chồng đối với ngân hàng C2, Ngân hàng N.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đinh Thị C:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Đinh Thị C và anh Đinh Ngọc C1.

2.2. Về quan hệ con chung: giao con chung Đinh Trần T1, sinh ngày 15/9/2018 cho anh Đinh Ngọc C1 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh C1 không yêu cầu chị C đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của đương sự tạm thời không yêu cầu cấp dưỡng.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Toà án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con.

Khi cần thiết, trên cơ sở lợi ích của con thì cha, mẹ trực tiếp nuôi con, cha, mẹ không trực tiếp nuôi con, cơ quan, tổ chức và cá nhân có thẩm quyền có quyền yêu cầu Toà án thay đổi người nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Đinh Thị C phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng đã nộp theo Biên lai số 0001889 ngày 20/11/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật Thi hành án dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, và 9 Luật Thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Trị;
- VKSND tỉnh Quảng Trị;
- VKSND KV 2 – Quảng Trị;
- Phòng THADS KV 2 – Quảng Trị;
- Đương sự;
- UBND xã Tân Thành;
- Công an xã Tân Thành;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Đinh Đức Cảnh